

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15/2014/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2014

THÔNG TƯ

Quy định trình tự, thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định trình tự, thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về trình tự, thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước dưới dạng tài sản vô hình (sau đây viết tắt là kết quả nghiên cứu) nhằm mục đích:

- a) Chuyển giao công nghệ;
- b) Đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ;
- c) Thành lập, góp vốn thành lập doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ;
- d) Ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh;

đ) Cung cấp dịch vụ công phục vụ lợi ích cộng đồng, an sinh xã hội và các hoạt động khác theo quy định của Luật khoa học và công nghệ và pháp luật liên quan.

2. Phạm vi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu quy định tại Khoản 1 Điều này được thực hiện trong phần quyền sở hữu của Nhà nước đối với kết quả nghiên cứu trên cơ sở quy định của pháp luật và thỏa thuận giữa các bên liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân sau đây:

1. Đại diện chủ sở hữu nhà nước của kết quả nghiên cứu theo quy định tại Điều 41 Luật khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là đại diện chủ sở hữu nhà nước).

2. Tổ chức được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây viết là tổ chức chủ trì).

3. Tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ và doanh nghiệp khác.

4. Tác giả hoặc đồng tác giả kết quả nghiên cứu (sau đây viết tắt là tác giả).

5. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Kết quả nghiên cứu* bao gồm sáng chế, giải pháp hữu ích, bí quyết kỹ thuật, bí mật kinh doanh, sáng kiến, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, tên thương mại, giống cây trồng, chương trình máy tính, thiết kế kỹ thuật, tác phẩm khoa học và các đối tượng khác, gồm cả đối tượng được bảo hộ và không được bảo hộ theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ.

Kết quả nghiên cứu được xác định trên cơ sở hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tạo ra từ việc sử dụng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước do cơ quan có thẩm quyền cấp dưới hình thức cấp một phần kinh phí, toàn bộ kinh phí hoặc giao quyền sử dụng phương tiện, cơ sở vật chất - kỹ thuật thuộc sở hữu nhà nước để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. *Phương tiện vật chất - kỹ thuật thuộc sở hữu nhà nước* bao gồm nhà xưởng, phòng thí nghiệm, máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, tài liệu và các phương tiện kỹ thuật khác thuộc sở hữu của Nhà nước.

3. *Giao toàn bộ quyền sở hữu kết quả nghiên cứu* là việc đại diện chủ sở hữu nhà nước giao toàn bộ quyền sở hữu của Nhà nước đối với kết quả nghiên cứu cho chủ thể khác theo quy định của pháp luật và điều kiện thỏa thuận giữa các bên.

4. *Giao một phần quyền sở hữu kết quả nghiên cứu* là việc đại diện chủ sở hữu nhà nước giao quyền sở hữu đối với một phần kết quả nghiên cứu cho một chủ thể nhất định hoặc giao quyền đồng sở hữu kết quả nghiên cứu cho các chủ thể khác nhau theo quy định của pháp luật và điều kiện thỏa thuận giữa các bên.

5. *Giao toàn bộ quyền sử dụng kết quả nghiên cứu* là việc đại diện chủ sở hữu nhà nước cho phép chủ thể khác sử dụng độc quyền kết quả nghiên cứu trong phạm vi, thời hạn theo quy định của pháp luật và điều kiện thỏa thuận giữa các bên.

6. *Giao một phần quyền sử dụng kết quả nghiên cứu* là việc đại diện chủ sở hữu nhà nước cho phép chủ thể khác sử dụng một phần kết quả nghiên cứu hoặc sử dụng không độc quyền kết quả nghiên cứu trong phạm vi, thời hạn theo quy định của pháp luật và điều kiện thỏa thuận giữa các bên.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIAO QUYỀN SỞ HỮU, QUYỀN SỬ DỤNG KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Điều 4. Trình tự, thủ tục đề nghị giao quyền

1. Tổ chức chủ trì, doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khác quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 40 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là Nghị định số 08/2014/NĐ-CP) có nhu cầu được giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu làm hồ sơ đề nghị giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu (sau đây viết tắt là hồ sơ đề nghị giao quyền) nộp đại diện chủ sở hữu nhà nước thông qua đơn vị thụ lý hồ sơ đề nghị giao quyền quy định tại Điều 10 Thông tư này.

2. Trường hợp đại diện chủ sở hữu nhà nước nhận được hồ sơ đề nghị giao quyền của tổ chức không phải là tổ chức chủ trì trong khi chưa xác định được nhu cầu và khả năng đáp ứng điều kiện được giao quyền của tổ chức chủ trì thì thực hiện thủ tục sau:

a) Đại diện chủ sở hữu nhà nước gửi thông báo đề nghị tổ chức chủ trì có ý kiến bằng văn bản về nhu cầu, khả năng đáp ứng điều kiện được giao quyền trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày gửi thông báo qua đường bưu điện;

b) Trường hợp có nhu cầu được giao quyền, tổ chức chủ trì phải nộp hồ sơ đề nghị giao quyền trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn quy định tại Điểm a Khoản này. Đại diện chủ sở hữu nhà nước xem xét, đánh giá hồ sơ đề nghị giao quyền của tổ chức chủ trì và hồ sơ đề nghị giao quyền đã nhận được của tổ chức khác theo quy định tại các điều 5, 8, 9 Thông tư này;

c) Trường hợp tổ chức chủ trì có ý kiến trả lời bằng văn bản về việc không có nhu cầu hoặc không có ý kiến trả lời hoặc không nộp hồ sơ theo quy định tại Điểm b Khoản này, đại diện chủ sở hữu nhà nước xem xét hồ sơ đề nghị giao quyền đã nhận được của tổ chức khác.

3. Hồ sơ đề nghị giao quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP được hướng dẫn cụ thể như sau:

a) Đơn đề nghị giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu theo Mẫu 1 trong Phụ lục của Thông tư này;

b) Báo cáo khả năng ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu theo Mẫu 2 trong Phụ lục của Thông tư này;

c) Dự thảo Thỏa thuận về việc giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu (sau đây viết tắt là Thỏa thuận giao quyền) theo Mẫu 3 trong Phụ lục của Thông tư này;

d) Các tài liệu khác có liên quan.

Điều 5. Trình tự, thủ tục thẩm định hồ sơ đề nghị giao quyền

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị giao quyền, đơn vị thụ lý hồ sơ đề nghị giao quyền có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho tổ chức đề nghị giao quyền về tính hợp lệ của hồ sơ. Trong trường hợp có yêu cầu sửa đổi, bổ sung, tổ chức đề nghị giao quyền phải hoàn chỉnh hồ sơ trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.

Quá thời hạn quy định mà tổ chức đề nghị giao quyền không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ yêu cầu hoàn thiện hồ sơ theo quy định, đơn vị thụ lý hồ sơ đề nghị giao quyền thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối đề nghị giao quyền. Trong trường hợp có văn bản giải trình lý do khách quan của tổ chức đề nghị giao quyền, đơn vị thụ lý hồ sơ xem xét gia hạn thời gian hoàn thiện hồ sơ tương ứng với thời gian cần thiết khắc phục lý do khách quan.

2. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, đơn vị thụ lý hồ sơ đề nghị giao quyền phải tổ chức thực hiện:

a) Đánh giá hồ sơ, đàm phán với tổ chức đề nghị giao quyền về thỏa thuận giao quyền nếu cần thiết và kết luận về việc hồ sơ đề nghị giao quyền đáp ứng hoặc không đáp ứng yêu cầu dựa trên các điều kiện quy định tại Điều 39 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP. Trong trường hợp cần thiết, đơn vị thụ lý hồ sơ đề nghị giao quyền đề xuất đại diện chủ sở hữu nhà nước ra quyết định thành lập Hội đồng tư vấn giao quyền theo quy định tại Điều 8 Thông tư này;

b) Đề xuất phương án giao quyền hoặc tổng hợp đề xuất giao quyền của Hội đồng tư vấn giao quyền gửi đại diện chủ sở hữu nhà nước, trong đó nêu rõ việc giao hoặc không giao, nội dung, điều kiện giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu và dự thảo Thỏa thuận giao quyền, dự thảo Quyết định về việc giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu (sau đây viết tắt là Quyết định giao quyền) theo Mẫu 4 trong Phụ lục của Thông tư này.

Trong trường hợp cần thiết, đơn vị thụ lý hồ sơ đề nghị giao quyền trao đổi với tổ chức đề nghị giao quyền để thống nhất về nội dung dự thảo Thỏa thuận giao quyền.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề xuất phương án giao quyền của đơn vị thụ lý hồ sơ đề nghị giao quyền theo quy định tại Điểm b, Khoản 2 Điều này, đại diện chủ sở hữu nhà nước xem xét ký kết Thỏa thuận giao quyền và ký Quyết định giao quyền hoặc thông báo từ chối đề nghị giao quyền, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

Điều 6. Thỏa thuận giao quyền

1. Thỏa thuận giao quyền ký kết giữa đại diện chủ sở hữu nhà nước và tổ chức được giao quyền là văn bản kèm theo Quyết định giao quyền và được thực hiện theo Mẫu 3 trong Phụ lục của Thông tư này.

2. Khi có thay đổi về nội dung Thỏa thuận giao quyền, đại diện chủ sở hữu nhà nước và tổ chức được giao quyền thực hiện ký kết văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Thỏa thuận giao quyền.

3. Thỏa thuận, văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Thỏa thuận giao quyền (nếu có) là một phần nội dung của Quyết định giao quyền.

Điều 7. Quyết định giao quyền

1. Quyết định giao quyền được thực hiện theo Mẫu 4 trong Phụ lục của Thông tư này.

2. Đại diện chủ sở hữu nhà nước ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực Quyết định giao quyền trong các trường hợp sau:

a) Có thay đổi nội dung trong Thỏa thuận giao quyền ảnh hưởng đến hiệu lực của Quyết định giao quyền;

b) Cần sửa đổi, bổ sung nội dung ghi trong Quyết định giao quyền;

c) Có vi phạm trong thủ tục giao quyền hoặc trong thực hiện Quyết định giao quyền.

3. Đại diện chủ sở hữu nhà nước, tổ chức được giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu có quyền định giá kết quả nghiên cứu trong giao quyền và trong hoạt động ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu đó.

Việc định giá thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính về định giá kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ sử dụng ngân sách nhà nước.

Đại diện chủ sở hữu nhà nước, tổ chức được giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu được sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hoặc kinh phí hoạt động thường xuyên để trả cho chi phí thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn, dịch vụ định giá kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

Điều 8. Hội đồng tư vấn giao quyền

1. Đại diện chủ sở hữu nhà nước ra quyết định thành lập Hội đồng tư vấn giao quyền dựa trên đề xuất của đơn vị thụ lý hồ sơ đề nghị giao quyền trong các trường hợp sau:

a) Kết quả nghiên cứu có tầm quan trọng đặc biệt đối với quốc phòng, an ninh;

b) Kết quả nghiên cứu cần được ứng dụng rộng rãi để đáp ứng nhu cầu phòng bệnh, chữa bệnh, dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết của xã hội;